TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55A/2022/HNGĐ-ST Ngày 29/8/2022
"*V/v Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Phan Sỹ Phác

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*/ Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964
Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đăk Nông.
(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

*/ Bị đơn: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đăk Nông
(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án: Bà và ông Nguyễn Văn Đ cưới nhau năm 1990 tại xã G, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Cả hai chỉ tổ chức đám cưới chứ không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, có hai con chung là cháu Nguyễn Hoài Th, sinh năm 1993 và Nguyễn Hoài T, sinh năm 1996. Trong thời gian chung sống cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc bà xin ly hôn là do khoảng 4 năm nay, ông Đ thường xuyên uống rượu không làm chủ được bản thân, đánh đập, chửi bới, hành hung vợ con, bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông Đ không thay đổi, nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn nên bà làm đơn xin ly hôn với ông Đ. Về con chung: các cháu đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo đơn trình bày của ông Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án: ông Nguyễn Văn Đ nhất trí với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về thời gian tổ chức đám cưới, thời gian sống chung và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ 1 năm nay, do nhiều vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng không có sự chia sẻ, đồng cảm với nhau, dẫn đến cãi vả, hôn nhân không có hạnh phúc. Mặc dù ông không muốn ly hôn vì con cái đã trưởng thành, cả hai đều lớn tuổi nhưng nếu bà H cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý. Về con chung: Các cháu đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng. Về con chung: Các cháu đã đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ nên đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Nguyễn Văn Đ) có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau từ năm 1990, mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới. Trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn, sống không có niềm tin và trách nhiệm đối với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên bà Nguyễn Thị H làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Ông Đ cũng xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên ông Đ cũng đồng ý ly hôn.

Theo Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện két hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*.".

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng là phù hợp.

[2.2] Về con chung: các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, không có nợ chung nên không có yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí DSST**:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 và khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000872 ngày 18/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng